

VIỆC NHƯỢNG ĐẤT, LẬP ĐỒN ĐIỀN THEO QUY CHẾ NHƯỢNG ĐẤT CHUNG Ở HẢI PHÒNG - KIẾN AN THỜI CẬN ĐẠI

TA THỊ THÚY*

Chỉ vài năm sau khi chiếm được Bắc Kỳ, người Pháp đã thực hiện ngay việc giành quyền quản lý đối với đất hoang và đất được gọi là hoang (còn được gọi là đất công nông nghiệp) từ tay triều Nguyễn và tiến hành ngay việc khai khẩn dưới những hình thức nhượng địa hay còn gọi là những hình thức nhượng đất, lập đồn điền khác nhau, ở hầu khắp các tỉnh, mà Hải Phòng - Kiến An cũng không phải là ngoại lệ.

Năm 1897, sau hàng chục năm khai thác thuộc địa, trong báo cáo của "Phái đoàn Lyon tìm hiểu về thương mại của Trung Quốc", phần nói về Bắc Kỳ, đại biểu Phòng Thương mại Lyon - đặc trách về tư lỵ Metral viết:

"Diện tích không trồng cấy ở vùng đồng bằng còn nhiều, nhất là ở những vùng rối loạn trong những năm vừa qua. Nhiều vùng trước kia đã từng trồng lúa, còn để lại dấu vết của những bờ ruộng nay đã bị bỏ hoang hoàn toàn. Ở những vùng này, nay đã có dân hồi cư, nhưng vẫn còn những nhượng địa lớn để khai thác" (1).

Chúng tôi không có được những con số thống kê chính xác về đất hoang và đất bị

bỏ hoang của từng tỉnh lúc bấy giờ, nhưng bản báo cáo trên cho phép hình dung về qui mô của tình trạng đất hoang của cả xứ nói chung, của Hải Phòng - Kiến An nói riêng.

Năm 1888, hai nghị định đầu tiên về việc nhượng đại đồn điền cho người Pháp và nhượng tiểu đồn điền cho người "bản xứ" được ban hành, công cuộc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ chính thức bắt đầu. Các văn bản pháp lý liên quan đến việc nhượng đất, khẩn hoang được công bố. Phong trào xin cấp nhượng đất, lập đồn điền phát triển ở khắp các tỉnh và ngày càng được mở rộng về đối tượng được cấp đất, hình thức cấp nhượng đất và loại hình đất nhượng.

Trước Chiến tranh thế giới thứ Nhất, đất hoang dường như chỉ được dành cho các công dân Pháp và chỉ được tiến hành theo quy chế nhượng đất chung. Phong trào di dân tự do, dưới hình thức tiểu đồn điền cho người "bản xứ" không phát triển. Sau chiến tranh, khi mà việc khẩn hoang ở Bắc Kỳ được đặt ra đối với chính quyền thuộc địa như một nhu cầu cấp thiết để giải quyết một số vấn đề về kinh tế, chính trị, xã hội, liên quan đến nhiều cư dân người Việt thì

* TS. Viện Sử học.

cùng với việc mở rộng công cuộc khai thác thuộc địa trên phạm vi toàn Liên bang Đông Dương và việc thực thi một chính sách "bản xứ" của Albert Sarraut, người Việt tham gia ngày một đông vào công cuộc nhượng đất, khẩn hoang theo quý chế nhượng đất chung cũng như theo các quy chế nhượng đất ban hành cho di dân, khẩn hoang của họ: Tiểu đồn điền di dân tự do; Đại đồn điền di dân tập thể... Đất nhượng giờ không phải chỉ là đất hoang và đất bị bỏ hoang trong nội địa mà còn là các vùng bãi bồi ven sông, ven biển.

Ở Hải Phòng - Kiến An, theo các tài liệu hiện có, việc nhượng đất, khẩn hoang chủ yếu được thực hiện dưới hai hình thức là: cấp nhượng đại đồn điền cho các điền chủ Pháp-Việt, theo quy chế nhượng đất chung và cấp nhượng đại đồn điền tập thể ở các vùng bãi bồi ven biển. Dưới đây, chúng tôi xin trình bày những kết quả nghiên cứu của mình về hình thức nhượng đất thứ nhất, tức là *việc nhượng đất, khẩn hoang theo quy chế nhượng đất chung* (2).

Hình thức nhượng đất, khẩn hoang này chịu sự chi phối của các Nghị định 5-9-1888, 24-5-1895, 18-8-1896, 27-12-1913, 26-11-1918, 19-9-1926, 19-10-1927, Sắc lệnh 4-11-1928 và các văn bản sửa đổi, bổ sung được ban hành cho đến năm 1942.

Theo quy định của những văn bản đó, việc nhượng đất được tiến hành dưới hai hình thức cơ bản là cho không và phải trả tiền. Trước năm 1913, việc nhượng là cho không, dù diện tích là bao nhiêu. Từ Nghị định 27-12-1913, hình thức cho không được áp dụng đối với những đồn điền có diện tích từ 50 ha trở xuống. Những đồn điền có diện tích từ 50 ha trở lên được nhượng theo hình thức phải trả tiền: bán đấu giá và bán theo giá thỏa thuận. Nghị định 26-11-1918 nâng diện tích các đồn điền cho không lên 300

ha. Chỉ những đồn điền có diện tích vượt quá giới hạn này mới phải trả tiền. Ngoài quy định này, việc nhượng cũng phải tuân thủ những điều kiện khác, được quy định ngày một chặt chẽ hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, việc nhượng luôn luôn không diễn ra theo đúng qui định và không phải điền chủ nào cũng tuân thủ những điều kiện đặt ra. Đồn điền được nhượng chủ yếu dưới hình thức cho không. Phần nhiều đất nhượng không được khai thác sau nhiều năm nằm trong tay các điền chủ, như chúng tôi trình bày dưới đây và việc nhượng đất, lập đồn điền ở Hải Phòng-Kiến An cũng không tránh khỏi tình trạng chung đó.

Cuối thế kỷ XIX, khi chiến sự còn đang diễn ra, dân phiêu tán chưa kịp trở về, các điền chủ người Pháp đã nhanh chân chiếm đất "hoang" ở Hải Phòng và xin chính quyền thuộc địa cấp nhượng, hoặc "mua" của người "bản xứ" lập ra các đồn điền. Vì vậy, Hải Phòng trở thành một trong những tỉnh có đồn điền được thiết lập sớm ở Bắc Kỳ.

Năm 1887, đồn điền đầu tiên được lập ra ở Hà Nam. Năm 1888, Nghị định ngày 5 tháng 9 được ban hành. Chỉ 1 năm sau, năm 1889, Hải Phòng có 2 đồn điền, tổng cộng 955 ha được nhượng tạm thời cho 2 điền chủ người Pháp, bất chấp quy định về diện tích tối đa được nhượng cho mỗi đồn điền là 100 ha theo quy định của Nghị định 5-9-1888.

Đồn điền thứ nhất, rộng 855 ha, nằm ở chân dãy núi Đông Triều, được nhượng tạm thời cho Cruer de Cogodin - Tổng biên tập báo Tin tức Hải Phòng (*Le Courrier du Hải Phòng*) bằng Nghị định 28-2-1889, theo tinh thần Nghị định 5-9-1888, tức là phải khai thác hết đất nhượng trong 5 năm và nộp thuế cho toàn bộ đồn điền sau 3 năm, kể từ ngày nhượng.

10 năm sau, đồn điền của Cruer de Cogodin bị thu hồi về Quốc gia công điền, công thổ do điền chủ không thực hiện đúng quy định, tức là không khai thác hết đồn điền trong thời hạn cho phép.

Đồn điền thứ hai, rộng 100 ha, nằm ở chân núi Sơn Đèo, được nhượng cho Oflier bằng Nghị định 19-3-1889.

Năm 1890, Hải Phòng cũng có 2 đồn điền được nhượng tạm thời cho 2 điền chủ:

- Theo Nghị định 16-8-1890, Lefèbre George - một thương gia (cũng có tài liệu ghi là kỹ sư mỏ ở Paris), được nhượng đồn điền 79 ha ở chân núi con voi, thuộc về làng Thượng Chất, phủ Kiến Thụy. Đất đồn điền được điền chủ trồng khoai tây và dùng làm đồng cỏ nuôi gia súc.

Ngày 1-1-1895, Lefèbre chuyển nhượng lại cho Louis Mondange - Nhân viên hãng vận tải đường sông Hải Phòng, ngụ tại Hà Nội, 73 trong số 79 ha đó với giá 300 \$ và chỉ giữ lại 6 ha. Phần nhượng cho Mondange, bằng Nghị định 13-4-1895, Mondange chính thức được nhượng tạm thời phần 76 ha đó. Nghị định 21-9-1896 đồng ý gia hạn thêm 2 năm để điền chủ khai thác hết diện tích. Nghị định 13-12-1896 của Toàn quyền Jean Jaures nhượng vĩnh viễn cho Mondange 70,9 ha với điều kiện phải trả cho làng Thượng Chất 35 \$ dưới danh nghĩa tiền công khai khẩn.

- Nghị định 2-2-1890 nhượng tạm thời cho Lemée - Trạng sư ở Hải Phòng 1.200 ha ở đảo Madelain theo quy định của Nghị định 5-9-1888, tức là phải khai thác hết đất nhượng trong thời hạn 5 năm. Nhưng chúng tôi không có được những thông tin liên quan đến đồn điền này trong những năm sau.

Năm 1891, qua Nghị định 24-11, Darribes được nhượng 1 đồn điền tạm thời

không biết rõ diện tích, nằm trên đảo Cái Bàn, theo quy định của Nghị định 5-9-1888, để chăn nuôi gia súc, với điều kiện là trong 6 tháng phải có 500 đầu gia súc, trong 5 năm phải có 2.500 con với mức thuế lệ là: 0,2 \$/1 con bò; 0,55 \$/1 con ngựa.

Trước năm 1897, năm kết thúc giai đoạn tiên khai thác thuộc địa của người Pháp ở Đông Dương, Hải Phòng còn có một số đồn điền được nhượng thức "*cấp nhượng*" và "*mua*" của người "*bản xứ*".

Đồn điền 46 ha được nhượng theo qui định của Nghị định 5-9-1888 cho Saint Marthurin. Diện tích đồn điền được dành chủ yếu cho chăn nuôi: bò (16 con); dê (50 con); cừu (12 con). Việc khai thác đồn điền "*là do một người Âu là Ribert quản lý và do hai cu li ăn lương chuyên coi sóc đàn gia súc*".

Đồn điền 7 ha của Broutin có được là do "mua từng mảnh của người bản xứ". Đất đồn điền được trồng khoai tây và nuôi gia súc. Việc khai thác là do bà Broutin trực tiếp quản lý.

Đồn điền của George - một hoa tiêu ở Hải Phòng, rộng 5 ha cũng là do "mua từng mảnh của người bản xứ", nằm trên đường từ Đồ Sơn đi Đồ Hải. Đất đồn điền được trồng lúa, khoai tây, khoai lang. Điền chủ trực tiếp quản lý việc khai thác.

Đồn điền 3 ha đã được Drerup - Thầu khoán ở Hải Phòng "*mua của người bản xứ để trồng lúa và dâu*". Đồn điền là do "những người Việt được sử dụng vào công việc của đồn điền khai thác".

Đồn điền rộng 2 ha được Barbier - Quản lý khách sạn Gallay ở Đồ Sơn "*mua của người bản xứ*". Điền chủ tự lo quản lý việc khai thác đất.

Đồn điền của Ronze, 1 ha được nhượng theo quy định Nghị định 5-9-1888.

Như vậy, tính cho đến hết 1897, Hải Phòng có tổng cộng 13 đồn điền của các điền chủ người Pháp, diện tích 2.300,5 ha. Trong số này, 1 đồn điền không được biết diện tích, 4 đồn điền thuộc loại lớn (trên 50 ha), diện tích 2.234 ha, 8 đồn điền còn lại thuộc loại nhỏ chỉ là những mảnh vườn của các "điền chủ chủ nhật", tức là những tiểu chủ và viên chức vậy.

Sau 1897, phong trào nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ bột khởi. Những thay đổi về quy chế nhượng đất, qua Nghị định 18-8-1896 có xu hướng giải phóng mọi cản trở về thủ tục xin cấp đất, về diện tích có thể được cấp nhượng- diễn ra đúng vào lúc kết thúc giai đoạn thiết lập chế độ thuộc địa ở Đông Dương, theo sau sự kết thúc giai đoạn thứ nhất của phong trào dân tộc của nhân dân Việt Nam. Tình hình chính trị dường như yên ổn. Ở vùng Đông - Bắc, phong trào đấu tranh của nhân dân ta tạm bị "đẹp yên". Người Pháp chuyển sang giai đoạn khai thác thuộc địa lần thứ hai, trên quy mô lớn chưa từng thấy. Ở Hải Phòng - Kiến An có thêm 10 đồn điền nữa được thiết lập theo quy chế nhượng đất chung vào các năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX.

Năm 1898, Louis Mondange được nhượng tạm thời đồn điền 27 ha ở làng Khả Lâm và Thường Chất, bằng Nghị định 2-1-1898. Nghị định 27-8-1908 chấp thuận nhượng vĩnh viễn đồn điền này cho Mondange, nhưng không phải là 27 ha, mà là 28,4 ha. Đất đồn điền được trồng cà phê, cây ăn quả và nuôi gia súc, được khai thác trực tiếp bằng công nhân ăn lương. Theo kết quả điều tra của Hội đồng điều tra đồn điền thì: "*Việc chăn nuôi tỏ ra có kết quả. Mondange có một đàn gia súc được coi là tuyệt vời*".

Năm 1900, lại có 2 đồn điền được nhượng tạm thời cho 2 điền chủ người Pháp, tổng cộng là 287 ha:

- Cái thứ nhất rộng 280 ha, ở làng Đoàn Xá, Đồi Lộc, phủ Kiến Thụy, được nhượng cho Faussemagne - một thầu khoán ở Hải Phòng bằng Nghị định 27-11-1900. Sau đó, đồn điền này được bán cho Canque, để rồi lại rơi vào tay một điền chủ khác là Leblonde. Theo kết quả điều tra năm 1911 của Hội đồng điều tra đồn điền thì toàn bộ diện tích của đồn điền này đã được khai thác, trong đó 200 ha đã trồng lúa, 80 ha còn lại cũng đang chuẩn bị được đưa vào trồng lúa. Mọi điều kiện đã được điền chủ tuân thủ đầy đủ.

- Cái thứ hai 7 ha, được nhượng tạm thời cho Fréchon Harmand - một thương gia ở Hải Phòng, bằng Nghị định 20-1-1900. Nhưng 2 năm sau, đồn điền này đã bị thu hồi qua Nghị định 21-5-1902, do điền chủ không khai thác đất nhượng.

Năm 1901, ở Kiến An, có 4 đồn điền do hai liên danh của các điền chủ người Pháp thiết lập, dưới hình thức cấp nhượng và "mua của người bản xứ", diện tích tổng cộng 465,93 ha.

- Bằng Nghị định 1-8-1901, liên danh Thomé - một quan chức chính quyền - Giám đốc Phòng Canh nông Bắc Kỳ, với nhiều đồn điền được cấp nhượng ở Bắc Giang và Tourel được nhượng 80 ha.

Tháng 2-1901, liên danh Thomé - Tourel lại mua của làng Vọng Hải 240 ha nữa.

- Cũng bằng hai nghị định ký ngày 1 tháng 8 năm 1901, liên danh Dandolo - Nhân viên hãng Bảo hiểm, ngụ tại Hải Phòng và Défosse Louis Paul - Bác sĩ ở Paris, được nhượng 2 đồn điền:

- Cái thứ nhất rộng 65,936 ha, được trồng cây các loại và khai thác trực tiếp bằng

công nhân ăn lương tháng, mức 6 \$/người. Năm 1902, do việc khai thác hết diện tích đồn điền, điền chủ được chính quyền thuộc địa cấp cho một khoản tiền thưởng là 260 \$ và bằng Nghị định 27-8-1908, đã nhượng vĩnh viễn đồn điền này cho điền chủ.

Cái thứ hai 80 ha "được dùng để làm đồng cỏ nuôi gia súc". Nghị định 11-3-1907 nhượng vĩnh viễn đối với 37,35 ha trong số 80 ha đó cho điền chủ với 50 đầu gia súc được nuôi trên đồn điền. Việc khai thác đồn điền là do "10 công nhân ăn lương tháng, mức 6 \$/người đảm nhiệm".

Cả 2 đồn điền này sau được chuyển cho Công ty Tài chính và Mỏ Bắc Kỳ và mang tên công ty này.

Năm 1904, Coupard Victor Alphonse - một Dược sĩ ở Hải Phòng, được nhượng tạm thời 19,946 ha bằng Nghị định 11-8-1904. Trên diện tích của đồn điền, 4 ha được trồng cây thuốc, 15 ha còn lại được dùng làm đồng cỏ để nuôi 40 con trâu, bò. Đồn điền được khai thác bằng công nhân ăn lương 6 \$/người/tháng. Năm 1929, đồn điền được đem bán cho một người Hoa tên là Lương Chương Hải ở Hải Phòng.

Năm 1905, chỉ còn 1 đồn điền 22 ha nữa được nhượng ở Hải Phòng cho Louis Mondange, bằng Nghị định 22-9-1905 ở làng Khả Lâm, phủ Liễu. Đồn điền cũng được khai thác bằng công nhân ăn lương và trồng các thứ cây như: cà phê, chè, cao su.

Trong giai đoạn đầu thế kỷ, Kiến An còn có 1 đồn điền 176 ha được nhượng cho Louis Mondange, nhưng không biết chính xác ngày lập. Theo báo cáo của Công sứ Kiến An 31-12-1910, trên đồn điền này có 10 ha trồng lúa, 40 ha đồng cỏ cho đàn gia súc 17 con trâu, bò, phần còn lại được trồng cây các loại. Cũng theo bản báo cáo đó thì "điền chủ sử dụng 7 công nhân người bản

xử vào công việc khai thác và được trả lương tháng với mức 6 \$/người".

Như vậy, cho đến đầu thế kỷ XX, Hải Phòng - Kiến An có 23 đồn điền được thiết lập cả dưới hình thức cấp nhượng cũng như hình thức "mua của người bản xứ", diện tích tổng cộng 3.298,3820 ha mà 13 là các đồn điền nhỏ, diện tích 148,4460 ha và 10 đồn điền lớn, diện tích 3.149,936 ha. Những đồn điền đó thuộc về 1 công ty, 1 liên danh và 16 điền chủ độc lập mà tất cả đều là người Pháp.

Phong trào nhượng đất, lập đồn điền theo quy chế nhượng đất chung ở Hải Phòng yếu dần từ đầu thế kỷ và dừng lại trong vài năm sau đó. Phải mất gần 2 chục năm sau, việc cấp nhượng đồn điền ở Hải Phòng - Kiến An mới bắt đầu trở lại, nhưng lần này chuyển ra ngoài bãi bồi ven biển, chỉ còn có thêm một vài đồn điền nữa được nhượng theo quy chế nhượng đất chung.

Năm 1923, Đình Thị Mến, vợ của Geoffray, người làng Kiều Sơn, huyện Hải An, ngụ tại 14, phố Lyon, Hải Phòng được nhượng 10,15 ha qua Nghị định 26-12-1923.

Năm 1926, 2 đồn điền nữa được cấp nhượng cho 1 điền chủ người Pháp và 1 điền chủ người Việt.

Điền chủ người Pháp là Bonna, ngụ tại Hà Nội, được nhượng 960 ha ở các làng Xuân Úc, Bạch Xá, Trung Nghĩa, Cao Khê, Thái Bình, tổng Xuân Úc qua Nghị định 17-6-1926. Năm 1937, đồn điền của Bonna bị thu hồi do "không có một cố gắng nghiêm túc nào được thực hiện trong việc khai thác đồn điền".

Điền chủ người Việt là Lại Văn Thiệp, được nhượng 37,734 ha, dưới danh nghĩa cho không, ở làng Niệm Sơn Nội qua Nghị định 14-9-1926. Nghị định 13-9-1935 chấp

nhận nhượng vĩnh viễn đồn điền cho điền chủ 0,864 ha trong số 37,734 ha đó, số còn lại bị chính quyền thuộc địa thu hồi do không được khai thác.

Theo quy định của Nghị định 30-5-1930 về việc nhượng những khu vực bị đóng lại và khu vực được mở ra đối với việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ, Hải Phòng-Kiến An là một trong những tỉnh bị đóng lại vì đất hoang có thể được cấp nhượng đã cạn hết. Trên thực tế, phong trào ấy đã dừng lại từ trước đó, nhường chỗ cho việc nhượng bãi bồi ven biển phát triển, vào những năm 1930. Năm 1935, chỉ có 4,411 ha được nhượng bằng Nghị định 23-9 cho Đặng Văn Thụy - một nông dân ở Thanh Lãng, tổng Phù Lưu, huyện Thủy Nguyên. Đồn điền này được nhượng vĩnh viễn theo Nghị định 15-12-1938. Và như vậy, sau năm 1919, chỉ có thêm 4 đồn điền, diện tích tổng cộng 1.012,2950 ha được cấp nhượng ở Hải Phòng - Kiến An.

Tổng cộng, cả giai đoạn cận đại, Hải Phòng - Kiến An có 27 đồn điền được thiết lập theo quy chế nhượng đất chung cho "Công dân, Thân dân và Dân bảo hộ Pháp", với diện tích 4.310,67 ha. Trong số đó, 16 là đồn điền nhỏ, diện tích 200,74 ha và 11 đồn điền lớn, diện tích 4.109,93 ha. Những đồn điền này lần lượt xuất hiện như sau:

Năm	Số đồn điền	Diện tích (ha)
1889	2	955,0000
1890	2	1.279,0000
1891	1	không có diện tích
1898	1	27,0000
1900	2	287,0000
1901	4	465,9300
1904	1	19,9460
1905	1	22,0000
1923	1	10,1500
1926	2	997,7300
1935	1	4,4110
KBNL	9	242,5000

Nếu phân theo loại diện tích, kết quả sẽ là:

Loại đồn điền	Số đồn điền	Diện tích (ha)
Từ 0 đến 50ha	15	200,7410
50 đến 100ha	5	398,9360
100 đến 500ha	3	696,0000
500 đến 1000ha	2	1.815,0000
Trên 1000ha	1	1.200,0000
KBNL	1	?
Tổng cộng	26	4.310,6770

Sự phân loại này cho biết một nửa số đồn điền được thiết lập theo quy chế nhượng đất chung ở Hải Phòng - Kiến An là đồn điền nhỏ. Đối với những đồn điền lớn nhất cũng chỉ là 3 đồn điền của Bonna, Cruer de Cogodin và Lemée, có diện tích dưới 1.000 ha. So với quy mô của những đồn điền được thiết lập ở các tỉnh khác thì tỏ ra khiêm tốn hơn.

Đây là những con số được chúng tôi tính cho đến năm 1935 là năm cuối cùng có đồn điền được thiết lập dưới hình thức nhượng đất theo quy chế chung ở Hải Phòng-Kiến An. Những con số đó lớn hơn những con số thống kê được đưa ra trong các báo cáo kinh tế hàng năm của tỉnh này. Chẳng hạn như:

Theo báo cáo năm 1933, Hải Phòng - Kiến An có 19 đồn điền, diện tích tổng cộng 3.001,7371 ha, trong đó có 1.113,0504 ha đã được khai thác, gồm:

Loại đồn điền	Số đồn điền	Diện tích (ha)	Diện tích được khai thác (ha)
Từ 0 đến 10ha	5	23,3945	8,8400
10 đến 50ha	7	183,5721	85,4360
50 đến 100ha	2	137,0100	21,0600
100 đến 500ha	3	1.003,7605	843,7144
500 đến 1000ha	2	1654,0000	160,0000
Tổng cộng	19	3.001,7371	1.119,0504

Những năm sau, một số đồn điền, do không được khai thác, đã bị thu hồi, một số bị bỏ hoang, làm cho diện tích đất nhượng giảm đi chỉ còn khoảng 3.000 ha. Thế nhưng, trong các báo cáo hàng năm người ta đã nhập cả các đồn điền bãi bồi vào mục Đồn điền (concessions) làm cho số lượng đồn điền tăng lên, nhưng lại không giải thích một cách cụ thể. Năm 1939, báo cáo kinh tế của tỉnh này cho biết có 31 đồn điền được thiết lập ở đây cho đến lúc đó, diện tích 2.771,5121 ha, trong đó 1.590,4891 ha đã được khai thác, gồm:

Loại đồn điền	Số đồn điền	Diện tích (ha)	Diện tích được khai thác (ha)
Từ 0 đến 10ha	7	23,4695	13,9895
10 đến 50ha	11	281,0991	110,5000
50 đến 100ha	7	522,9900	54,0000
100 đến 500ha	5	1.249,9535	899,0000
500 đến 1.000ha	1	694,0000	513,0000
Tổng cộng	31	2.771,5121	1.590,4895

Trong số các đồn điền trên có đồn điền bãi bồi ven biển 694 ha của Hoàng Trọng Phu.

Cũng theo báo cáo kinh tế, cho đến năm 1941, Hải Phòng - Kiến An có 33 đồn điền diện tích 2.885,3890 ha, trong đó có 1.665,2 ha đã được khai thác, gồm:

Loại đồn điền	Số đồn điền	Diện tích (ha)	Diện tích được khai thác (ha)
Từ 0 đến 10ha	7	23,4695	14,5000
10 đến 50ha	11	281,0991	115,0000
50 đến 100ha	9	636,9660	85,0000
100 đến 500ha	5	1.246,9535	930,0000
500 đến 1.000ha	1	964,0000	520,7000
Tổng cộng	33	2.885,3890	1.665,200

So với những tỉnh khác, Hải Phòng - Kiến An là một trong những tỉnh có số đồn điền được thiết lập theo quy chế nhượng đất chung ít nhất ở Bắc Kỳ trong thời kỳ cận đại.

Số 27 đồn điền theo thống kê của chúng tôi ở trên thuộc về 23 điền chủ, được ghi trong danh sách kèm dưới đây. Đó là 1 công ty, 1 liên danh, 21 cá nhân, gồm:

- 1 điền chủ không được biết diện tích.
- 14 điền chủ có diện tích đất nhượng từ 50 ha trở xuống, chiếm 14 đồn điền, diện tích 151,741 ha.
- 1 điền chủ có trên 100 ha.
- 4 điền chủ có diện tích từ 100 đến 500 ha, chiếm 9 đồn điền, 1.043,936 ha.
- 2 điền chủ có diện tích từ 500 đến 1.000 ha, chiếm 2 đồn điền, 1.851 ha.
- 1 điền chủ có diện tích 1.200 ha.

Các điền chủ lớn nhất ở đây là Lemée, Cruer de Cogodin, Bonna và một vài điền chủ khác có diện tích đất nhượng trên 100ha: Thomé và Tourrel; Mondange; Faussemagne; Công ty Tài chính và Mỏ Đông Dương.

Điều đó có nghĩa là trong khu vực đồn điền ở Hải Phòng-Kiến An, tiểu sở hữu chiếm số đông. Thế nhưng, so với sở hữu nhỏ, manh mún của người "bản xứ" thì đây vẫn là những người có tài sản lớn về ruộng đất, với bình quân mỗi điền chủ là 187,42 ha. Và lại, Hải Phòng - Kiến An là một tỉnh đồng bằng đông dân, việc chiếm đất ở đây, dù diện tích là bao nhiêu cũng ảnh hưởng đến đời sống của dân chúng nông thôn vùng này, nhất là khi mà những đồn điền đó lại rơi vào tay các điền chủ người nước ngoài.

Xét theo nghề nghiệp và nguồn gốc xã hội thì tuyệt đại bộ phận các điền chủ không

**Danh sách các điền chủ có đồn điền được thiết lập theo quy chế
nhượng đất chung ở Hải Phòng - Kiến An thời kỳ Cận đại**

(NTT: nhượng tạm thời; NVV: nhượng vĩnh viễn; M: mua; TH: thu hồi)

TT	Tên điền chủ	Nghề nghiệp	Số ĐĐ	Tổng diện tích (ha)	Diện tích từng đồn điền (ha)	Phương thức lập	Năm	Ghi chú
1	Barbier	Quản lý khách sạn Gallay	1	2,000	2,0000	M	Trước 1897	
2	Bonna		1	960,000	960,0000	NTT	1926	
3	Broutin	Trạng sư ở Hải Phòng	1	7,0000	7,0000	NTT	Trước 1897	
4	Coupard (Victor, Alphonse)	Dược sĩ ở Hải Phòng	1	19,8460	19,8460	NTT	1904	1929, bán cho người Hoa là Lương Chương Hải, ở Hải Phòng
5	Cruet de Cogodin	Nhà báo ở Hải Phòng	1	855,0000	855,0000	NTT	1889	
6	Darribes	Ngu tại Hà Nội	1	?	?	NTT	Trước 1897	Trên đảo Cái Bàn
7	Drerup		1	3,0000	3,0000	M	Trước 1897	
8	Faussemagne Auguste	Thầu khoán ở Hải Phòng	1	280,0000	280,0000	NTT	1900	
9	Fréchon	Thương gia ở Hải Phòng	1	7,0000	7,0000	NTT	1900	TH 1902
10	Gallay	Chủ khách sạn ở Đồ Sơn	1	1,0000	1,0000	NTT	Trước 1897	
11	Géoffray Alfred	Hoa tiêu ở Hải Phòng	1	5,0000	5,0000	M	Trước 1897	
12	Javanon		1	1,5000	1,5000	M	Trước 1897	
13	Lefèbre George	Thương gia	1	6,0000	6,0000	NTT	1890	
14	Lemée	Trạng sư ở Hải Phòng	1	1.200,0000	1.200,0000	NTT	1890	
15	Marthurin		1	46,0000	46,0000	NTT	Trước 1897	
16	Đình Thị Mến	Vợ của Géoffray	1	10,1500	10,1500	NTT	1923	NVV 1931
17	Mondange	Nhân viên hãng vận tải đường sông Hải Phòng	4	298,0000	73,0000 27,0000 22,0000 176,0000	NTT NTT NTT NTT	1895 1898 1905 sau 1897	NVV 1899 NVV 1908 NVV 1908 NVV 1908
18	Offlier		1	100,0000	100,0000	NTT	1889	
19	Lại Văn Thiệp		1	37,7430	37,7430	NTT	1926	NVV 1935 (0,864 ha)
20	Đặng Văn Thụy		1	4,4110	4,4110	NTT	1935	NVV 1938
21	Ronze	Buôn bán gia súc	1	1,0000	1,0000	M	Trước 1897	
22	Thomé và Tourrel	Quan chức chính quyền	2	320,0000	240,0000 80,0000	M NTT	1901 1901	
23	Công ty Tài chính và Mỏ Đông Dương		2	145,9360	65,9360 80,0000	NTT NTT	1901 1901	NVV 1908 NVV 1908

phải là các nhà canh nông mà thuộc đủ mọi ngành nghề khác, như đã thấy: thương gia, tiểu chủ, người làm nghề tự do, viên chức...

Xét theo quốc tịch, 20 trong số 23 đồn điền chủ là người Pháp, chiếm 25 đồn điền, diện tích 4.258,382 ha, chỉ có 3 là người Việt, với 3 đồn điền và 52,295 ha.

Về việc sử dụng nhân công trên các đồn điền đó thì như chúng tôi liệt kê ở trên, khác với các tỉnh khác, là những nơi mà đồn điền phần lớn được khai thác một cách gián tiếp bằng tá điền hoặc quá điền, ở Hải Phòng - Kiến An, phần nhiều các đồn điền chủ tự quản lý việc khai thác và nhân công được sử dụng đều là công nhân ăn lương, với mức phổ biến là 6 \$/tháng, tức là khoảng 0,20 \$/ngày trong những năm đầu thế kỷ. Có những đồn điền sử dụng đến hàng chục công nhân và có những năm, số công nhân đồn điền của tỉnh này lên đến hàng trăm người.

Việc khai thác không được phản ánh đầy đủ trên các nguồn tài liệu có liên quan. Chúng tôi chỉ có được những thông tin rời rạc đã dẫn ra ở trên. Tình hình chung là có một số đồn điền được khai thác, được chuyển nhượng vĩnh viễn. Số khác, do không được khai thác đúng quy định đã bị thu hồi, sau nhiều năm nằm trong tay các đồn chủ.

Theo các con số thống kê trong các báo cáo kinh tế hàng năm của Công sứ tỉnh này đã dẫn thì có khoảng 57% diện tích đồn điền đã được khai thác. Điều đó có nghĩa là vẫn còn đến 43 % đất nhượng làm đồn điền bị bỏ hoang, cho đến những năm 1940. Thế nhưng, theo điều tra của chúng tôi thì chỉ có 9 trong số 27 đồn điền được cấp vĩnh viễn, diện tích 459,361 ha, tức là chỉ chiếm 10,65% diện tích đất nhượng. Số còn lại được khai thác nhưng chưa được cấp vĩnh viễn hay chưa được khai thác mà vẫn không bị thu hồi hoặc giả chưa được điều

tra về tình trạng khai thác, do sự nhiều khê về thủ tục hành chính.

Về việc canh tác, cũng theo các báo cáo kinh tế hàng năm và theo các nguồn tài liệu hiện có thì lúa là cây trồng chính trên các đồn điền, những cây trồng khác chỉ là phụ. Chẳng hạn:

Năm 1933, Hải Phòng-Kiến An có 3 đồn điền trồng lúa, diện tích 533,886 ha, trên đó 175 ha đã cấy. Số nhân công được sử dụng là 47 người, mức lương là 0,15 \$. Sản lượng thóc thu về là 300 tấn, trị giá 6.900\$, trừ chi phí 4.200 \$, lãi ròng từ trồng lúa của chúng ta là 2.700 \$. Số tiền thu về từ chăn nuôi gia súc là 3.200 \$. Tổng số thu là 5.960\$.

Năm 1939, diện tích trồng lúa trên các đồn điền của Hải Phòng - Kiến An là 498,25 ha. Số công nhân được sử dụng là 173 người, mức lương 0,3 \$/ngày/người. Sản lượng thóc là 830 tấn, trị giá 44.586 \$. Trừ chi phí là 16.909 \$, các đồn chủ thực thu 27.680 \$.

Bên cạnh lúa, chăn nuôi cũng được tiến hành trên các đồn điền có bãi chăn thả tự nhiên, với quy mô đàn gia súc hàng chục con. Năm 1933, giá trị đàn gia súc đồn điền của tỉnh này là 3.260 \$, lớn hơn trị giá thóc thu được cùng năm.

Tóm lại, Hải Phòng- Kiến An là một trong những tỉnh có đồn điền được thiết lập theo quy chế nhượng đất chung cho "Công dân, Thân dân và Dân bảo hộ" từ sớm. Thế nhưng, do là một tỉnh đồng bằng đông dân, ít đất, nên kết quả cuối cùng của việc nhượng đất, lập đồn điền cũng tỏ ra khiêm tốn hơn so với các tỉnh khác, nhất là các tỉnh trung và thượng du. Phong trào nhượng đất, lập đồn điền dưới hình thức này ở đây giảm dần từ đầu thế kỷ XX, rồi sớm dừng lại nhường chỗ cho việc khai khẩn và cấp nhượng đất bãi bồi ven biển, di dân tập thể, được khuyến khích trong

những năm 1920-1930, sẽ được chúng tôi đề cập đến ở một bài viết sau.

Việc khai thác đất nhượng tỏ ra cầm chừng. Các điền chủ cốt chiếm lấy đất, đầu cơ đất theo kiểu địa chủ "bản xứ". Một vài yếu tố mới của phương thức sản xuất đã được du nhập vào khu vực này, như việc quản lý trực tiếp việc khai thác đất nhượng và sử dụng công nhân ăn lương, việc sản xuất các sản phẩm để bán... nhưng phương thức khai thác đất truyền thống của người

"bản xứ" vẫn được duy trì, được biểu hiện ra bằng việc trồng lúa chiêm ưu thế trong khu vực đồn điền. Như đã thấy, tuyệt đại đa số các điền chủ không phải là những nhà canh nông. Họ không có đủ thì giờ và kiến thức để khai thác đất. Là những điền chủ hoạt động trong nhiều lĩnh vực khác nhau, họ đem vào việc xin nhượng đất và khai thác đất những động cơ, những khả năng về tiền vốn và kinh nghiệm sử dụng nhân công khác nhau.

CHÚ THÍCH

(1). Charles Fourniau, *Les contacts franco-vietnamiens en Annam et au Tonkin de 1885 à 1896*, IHPOM, Tome 4, tr. 2136.

(2). Những dữ liệu được công bố trong mục này được khai thác từ các tài liệu lưu trữ đã được chỉ dẫn

trong hai cuốn sách của Tạ Thị Thúy: *Đồn điền của người Pháp ở Bắc Kỳ 1884-1918*, Nxb. Thế giới, 1996, chú thích số 3 tr. 91 và "*Việc nhượng đất, khẩn hoang ở Bắc Kỳ 1919-1945*", Nxb. Thế giới, 2001, chú thích số 89, tr. 88.

TẤM BIA VỀ ĐỒNG GIANG HẦU VŨ TƯỚNG QUÂN..

(Tiếp theo trang 67)

CHÚ THÍCH

(1). Ký hiệu chữ mờ không đọc được.

(2). Ở xã Minh Tân, Thủy Nguyên hiện nay còn di tích mộ táng treo Vũ Huệ An trong hang đá, bên cạnh đường đi.

(3). Chưa rõ cách thức dùng đơn vị Đấu đo đất như thế nào?

(4). *Tên làng xã Việt Nam đầu thế kỷ XIX*. Dương Thị The, Phạm Thị Thoa dịch và biên soạn. Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981.

(5). Vợ của Đồng Giang Hầu họ Ngô. Theo truyền thuyết ở địa phương cho biết cụ là Ngô Thị Ngải (Ngại). Hiện vẫn còn mộ cụ Ngải ở xóm Trại, xã Minh Tân. Con cháu hậu duệ họ Vũ ở đó đã tôn tạo mộ phần cụ khang trang.

(6). Phan Huy Lê, Phan Đại Doãn, Nguyễn Quang Ngọc. *Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 và 1288*. Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1988, tr. 101.

(7). Theo *Đại Việt sử ký toàn thư*. Tập II. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1981, tr. 21-22: Năm Đinh Thìn không phải là năm (1247), mà ứng với năm (1247) phải là năm Đinh Mùi. Trong năm này - niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 vua Trần Thái Tông cho mở khoa thi thông tam giáo. Vũ Vị Phủ (người Hồng Châu) đỗ Ất khoa.

(8). Bia kỷ niệm Đồng Giang Hầu (tên bia do chúng tôi đặt) dựng tại đền thờ ông ở chân núi Phụng Hoàng, thị trấn Minh Đức. Toàn bộ nội dung bia đã dẫn trên. Cuối bia có ghi dòng lạc khoản: *Hải Phòng ngày 6 tháng 1 năm 1990. Sở Văn hoá Thông tin Hải Phòng. Ban di tích lịch sử danh lam thắng cảnh. (Đã ký) Trịnh Minh Hiền.* Bia do Vũ Phiến (người Minh Đức) hậu duệ đời thứ 14 cung tiến.

(9). Xem: *Mộ Trạch Vũ tộc thế hệ sự tích*. Vũ Phương Lan, Vũ Thế Nho, Vũ Tông Hải biên soạn. TS. Vũ Huy Đình nhuận sắc. Chữ Hán Nôm A3132.